

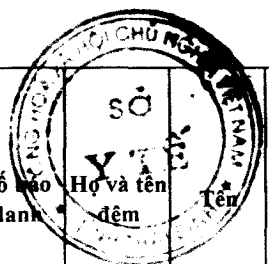
THÔNG BÁO

**KẾT QUẢ KIỂM TRA, SÁT HẠCH VÀ ĐIỂM HỌC TẬP, ĐIỂM TỐT NGHIỆP, ĐIỂM TÍN CHỈ CỦA THÍ SINH
THAM GIA XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NGÀNH Y TẾ NĂM 2016
CHỨC DANH: BÁC SĨ HẠNG III (MÃ SỐ V.08.01.03)**

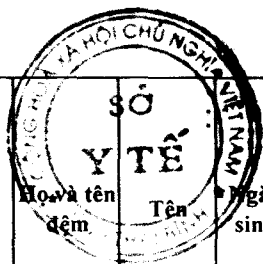
Tại Hội đồng tuyển dụng: Sở Y tế Thái Bình

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Đơn vị tuyển dụng	Quê quán (trú quán)	Trường đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm trung bình các môn học toàn khóa	Điểm trung bình tốt nghiệp	Tổng điểm quy đổi	Điểm học tập theo tín chỉ	Tổng điểm quy đổi theo tín chỉ	Điểm kiểm tra, sát hạch	Tổng điểm kiểm tra, sát hạch quy đổi	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm cộng điểm tương đương ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
1	BS.86	Hoàng Thùy	Linh	23	02	1990	Bệnh viện đa khoa Thành Phố	Xã Quang Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,92	8,67	165.90			98	196.00	Không		361.90	
2	BS.122	Hoàng Thị Thanh	Tĩnh	23	7	1991	Bệnh viện đa khoa Thành Phố	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,39	8,00	153.90			80	160.00	Không		313.90	
3	BS.62	Phạm Thị	Hồng	21	10	1990	Bệnh viện đa khoa Thành Phố	Xã Quỳnh Sơn, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,41	9,00	164.10				0.00	Con bệnh binh 65%		164.10	Không tham gia KTSH
4	BS.05	Nguyễn Ngọc	Anh	19	11	1991	Bệnh viện đa khoa Thành Phố	Xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	5,97	8,47	144.40				0.00	Không		144.40	Không tham gia KTSH
5	BS.132	Vũ Ngọc	Thái	04	6	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà	Xã Nam Hà, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá				6,87	137.40	94	188.00	Không		325.40	

STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Đơn vị tuyển dụng	Quê quán (trú quán)	Trường đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm trung bình các môn học toàn khóa	Điểm trung bình tốt nghiệp	Tổng điểm quy đổi	Điểm học tập theo tín chỉ	Tổng điểm quy đổi theo tín chỉ	Điểm kiểm tra, sát hạch	Tổng điểm kiểm tra, sát hạch quy đổi	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm cộng điểm tương đương ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
6	BS.109	Lại Thị	Nguyệt	07	3	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà	Xã Đông Vinh, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,34	9,5	168.40			75,66	151.32	Không		319.72	
7	BS.156	Đào Xuân	Trường	13	11	1991	Bệnh viện đa khoa Hưng Hà	Phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	6,90	7,00	139.00			67,33	134.66	Con thương binh 65%		273.66	
8	BS.70	Mai Thị	Huyền	20	11	1991	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Đông La, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Đại học Trung y dược Thiên Tân Trung Quốc	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Giỏi				8,20	164.00	95,30	190.60	Không		354.60	
9	BS.43	Ngô Thị	Hằng	14	12	1984	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,17	9,25	164.20			94	188.00	Không		352.20	
10	BS.48	Hà Trung	Hiếu	16	8	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Chí Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	6,67	8,77	154.40			93,66	187.32	Không		341.72	
11	BS.10	Trần Thái	Bình	25	10	1984	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	6,19	9,00	151.90			93,80	187.60	Con bệnh binh 61%		339.50	
12	BS.137	Bùi Ngọc	Thuấn	22	11	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Nguyên Xá, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,81	9,50	173.10			76,33	152.66	Không		325.76	



STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Đơn vị tuyển dụng	Quê quán (trú quán)	Trường đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm trung bình các môn học toàn khóa	Điểm trung bình tốt nghiệp	Tổng điểm quy đổi	Điểm học tập theo tín chỉ	Tổng điểm quy đổi theo tín chỉ	Điểm kiểm tra, sát hạch	Tổng điểm kiểm tra, sát hạch quy đổi	Điểm cộng ưu tiên	Điểm cộng ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
13	BS.84	Nguyễn Thị	Thúy Liễu	23	4	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Thị trấn Hưng Nhân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá				7,31	146.20	75	150.00	Không		296.20	
14	BS.153	Cao Thị	Triều	12	11	1991	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá				7,32	146.40	72,66	145.32	Không		291.72	
15	BS.107	Bùi Thị Bích	Ngọc	27	9	1991	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	6,34	7,83	141.70			72	144.00	Không		285.70	
16	BS.131	Tô Văn	Tường	12	10	1980	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Tây Phong, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	6,26	9,25	155.10			63	126.00	Không		281.10	
17	BS.88	Bùi Như	Long	03	11	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Đông Hòa, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	6,51	9,00	155.10				0.00	Không		155.10	Không tham gia KTSH
18	BS.128	Nguyễn Văn	Tự	12	02	1991	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Thăng Long, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,09	8,33	154.20				0.00	Không		154.20	Không tham gia KTSH
19	BS.77	Đào Thị	Khánh	22	9	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Liên Hiệp, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá				7,25	145.00		0.00	Không		145.00	Không tham gia KTSH



STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Đơn vị tuyển dụng	Quê quán (trú quán)	Trường đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm trung bình các môn học toàn khóa	Điểm trung bình tốt nghiệp	Tổng điểm quy đổi	Điểm học tập theo tín chỉ	Tổng điểm quy đổi theo tín chỉ	Điểm kiểm tra, sát hạch	Tổng điểm kiểm tra, sát hạch quy đổi	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
20	BS.73	Nguyễn Thị Mai	Hương	29	11	1991	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Minh Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội	Đại học Trung y dược Thiên Tân Trung Quốc	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá				7,10	142.00		0.00	Không		142.00	Không tham gia KTSH
21	BS.158	Trần Hải	Yến	20	6	1992	Bệnh viện đa khoa Hưng Nhân	Xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá				6,99	139.80		0.00	Không		139.80	Không tham gia KTSH
22	BS.09	Nguyễn Thị Lan	Anh	04	9	1990	Bệnh viện đa khoa Nam Tiền Hải	Xã Tuyết Nghĩa, huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,45	9,50	169.50			72,33	144.66	Con thương binh 81%	20	334.16	
23	BS.38	Nguyễn Thị Thu	Hà	10	9	1992	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Xã Thụy Hưng, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,63	9,50	171.30			94,30	188.60	Không		359.90	
24	BS.151	Bùi Thị	Trang	13	3	1991	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Xã Thụy Phúc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,43	9,50	169.30			92	184.00	Không		353.30	
25	BS.130	Vũ Thị	Tươi	20	4	1991	Bệnh viện đa khoa Thái Thụy	Xã Thụy Văn, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Học viện y dược học cổ truyền Việt Nam	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,65	7,67	153.20			94,67	189.34	Không		342.54	
26	BS.106	Đỗ Thị Thanh	Nga	18	10	1991	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Xã Đông Quý, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,26	9,27	165.30			93	186.00	Không		351.30	

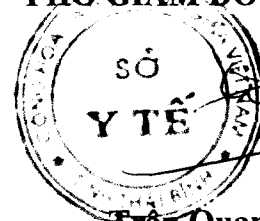
STT	Số báo danh	Họ và tên đệm	Tên	Ngày sinh	Tháng sinh	Năm sinh	Đơn vị tuyển dụng	Quê quán (trú quán)	Trường đào tạo	Trình độ chuyên môn	Hệ đào tạo	Tốt nghiệp loại	Điểm trung bình các môn học toàn khóa	Điểm trung bình tốt nghiệp	Tổng điểm quy đổi	Điểm học tập theo tín chỉ	Tổng điểm quy đổi theo tín chỉ	Điểm kiểm tra, sát hạch	Tổng điểm kiểm tra, sát hạch quy đổi	Điểm tương đương ưu tiên	Điểm cộng đối tượng ưu tiên	Tổng điểm	Ghi chú
27	BS.08	Nguyễn Kim	Anh	11	01	1993	Bệnh viện đa khoa Thái Ninh	Xã Nghĩa Phú, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,41	9,23	166.40			78,66	157.32	Không		323.72	
28	BS.30	Phạm Tuấn	Đạt	15	8	1992	Bệnh viện đa khoa Phụ Dục	Xã Vũ Thắng, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Trung bình khá	6,61	8,53	151.40			90,66	181.32	Không		332.72	
29	BS.63	Vũ Thị	Hồng	27	9	1991	Bệnh viện đa khoa Phụ Dục	Xã An Thanh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình	Đại học y dược Thái Bình	Bác sĩ y học cổ truyền	Chính quy	Khá	7,58	8,47	160.50			79,66	159.32	Không		319.82	

Thái Bình, ngày 02 tháng 11 năm 2016
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG XÉT TUYỂN
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

THƯ KÝ

Tu

Đàm Văn Tính



Trần Quang Hải